

Số: **133/2022/HNGĐ-ST**

Ngày 21 - 12 - 2022

(V/việc ly hôn, giao nuôi con).

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHONG ĐIỀN, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Xuân Đàm

Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Lương và bà Nguyễn Thị Thanh Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Chiến, thư ký Tòa án nhân dân huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Điền tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Thế Quân - Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 91/2022/TLST-HNGĐ ngày 01/8/2022 về việc “xin ly hôn và giao quyền nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Võ Thị Xuân K, sinh năm 1989; địa chỉ: NSK, phường Võ Dạ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế; vắng mặt và đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1981; địa chỉ: Thôn H, xã Phong Hải, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế; vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không rõ lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, các tài liệu có trong hồ sơ và lời trình bày của đương sự trong các bản khai thì vụ án có nội dung như sau:

- Theo nguyên đơn, chị Võ Thị Xuân K trình bày: Chị K và anh Nguyễn Ngọc T trên cơ sở yêu nhau tự nguyện, được hai bên gia đình đồng ý và đã đăng ký kết hôn tại UBND phường Võ Dạ, thành phố Huế theo giấy chứng nhận kết hôn số 65/2012, quyền số 01/2012, ngày 16 tháng 5 năm 2012.

Sau khi kết hôn, vợ chồng thuê trọ sinh sống và làm việc tại thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế. Ban đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn bất đồng. Nguyên nhân là do tính cách giữa hai người có sự khác biệt, dẫn đến vợ chồng hay tranh cãi do bất đồng quan điểm khi giải quyết các sự việc trong cuộc sống gia đình. Anh T cũng hay sử dụng rượu bia, chơi cờ bạc

nên bỏ bê công việc gia đình. Tình trạng này kéo dài, chị K cũng đã nhờ hai bên gia đình hòa giải khuyên can nhưng anh T không thay đổi nên chị K đã đưa hai con về nhà ngoại từ năm 2021 và cũng từ đó vợ chồng ly thân cho đến nay không quan tâm gì đến nhau nữa.

Sau thời gian sống ly thân, chị K nhận thấy tình cảm vợ chồng thực sự không còn và không thể hàn gắn được nên đã nộp đơn yêu cầu xin được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc T.

Về con, chị K trình bày: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Ngọc M, sinh ngày 01/02/2012 và Nguyễn Ngọc K, sinh ngày 28/11/2015, hiện cả hai con đang ở với mẹ. Chị K yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con đến trưởng thành và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng.

Về tài sản và nợ chung, chị K xác nhận: Vợ chồng không có tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đối với bị đơn - Anh Nguyễn Ngọc T: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho anh T thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập và thông báo về phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần, nhưng anh T đều vắng mặt không rõ lý do nên vụ án được đưa ra xét xử theo thủ tục chung.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, cháu Nguyễn Ngọc M và cháu Nguyễn Ngọc K đã đến Tòa án trình bày nguyện vọng: “Nếu bố mẹ ly hôn thì cả hai cháu đều có nguyện vọng muốn được ở với mẹ”.

Tòa án tiến hành xác M và được Công an xã Phong Hải cung cấp: Anh Nguyễn Ngọc T hiện còn đăng đăng ký hộ khẩu thường trú ở thôn Hải Thế, xã Phong Hải, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế. Anh T hiện đi làm ở thành phố Huế nên không có mặt tại địa phương, thỉnh thoảng có về thăm gia đình.

Theo đại diện gia đình của anh T cho biết: Anh T hiện đang làm việc tại thành phố Huế nhưng không cho gia đình biết địa chỉ ở đâu. Gia đình đã báo cho anh T biết việc “Tòa án đã nhiều lần về tại nhà giao giấy triệu tập cho anh T đến Tòa án, để giải quyết việc chị K xin ly hôn”, nhưng anh T nói “bận việc không về được, nếu mình không về thì Tòa án vẫn giải quyết”.

Về mâu thuẫn giữa vợ chồng anh T thì gia đình không rõ, nay chị K xin ly hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Sau khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án đã tiến hành niêm yết quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập tham gia phiên tòa tại nơi ở của bị đơn, tại trụ sở UBND xã Phong Hải và tại trụ sở Tòa án. Nhưng tại phiên tòa bị đơn vắng mặt không rõ lý do nên phải hoãn phiên tòa.

Sau khi hoãn phiên tòa, nguyên đơn đã nộp đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, đồng thời vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị Tòa án chấp nhận.

Tòa án tiếp tục niêm yết cho bị đơn thủ tục tham gia phiên tòa lần thứ hai theo quy định tại điều 179 của Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng tại phiên tòa hôm nay bị đơn vẫn vắng mặt không rõ lý do nên Hội đồng vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, không có vấn đề gì cần phải kiến nghị khắc phục.

Đối với các đương sự: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình và đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự nhưng đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng nên vụ án được xét xử theo thủ tục chung.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Xét yêu cầu của nguyên đơn là muốn được ly hôn với anh T và xin được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung là phù hợp với nguyện vọng của con, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 và các Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân gia đình nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Các vấn đề khác, đương sự có không có yêu cầu nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ đã được kiểm tra công khai tại phiên tòa; Hội đồng xét xử thảo luận và nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét quan hệ hôn nhân giữa chị Võ Thị Xuân K và anh Nguyễn Ngọc T được UBND phường Võ Dạ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp; vì vậy, chị K có quyền khởi kiện yêu cầu giải quyết việc ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 9 và khoản 1 Điều 51 Luật hôn nhân gia đình. Mặt khác, bị đơn đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã Phong Hải, huyện Phong Điền nên việc Tòa án nhân dân huyện Phong Điền thụ lý vụ án là phù hợp với khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chị K là nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa và đã có đơn đề nghị xét xử vụ án vắng mặt nên Hội đồng vẫn tiến hành xét xử vụ án là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc anh T là bị đơn, đã được tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập và thông báo tham gia phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải hai lần, nhưng anh T đều vắng mặt không rõ lý do và Tòa án đưa vụ án ra xét xử là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 207 và khoản 2 Điều 208 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho anh T quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ nhất nhưng anh T vắng mặt không rõ lý do nên phải hoãn phiên tòa. Tòa án tiếp tục tổng đạt hợp lệ cho anh T thủ tục tham gia phiên tòa lần thứ 2, nhưng tại phiên tòa hôm nay, anh T vẫn vắng mặt không rõ lý do nên Hội đồng vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhận thấy: Chị K xin ly hôn vì quan điểm, tính cách giữa vợ chồng có sự khác biệt, dẫn đến thường xuyên xảy ra cãi vã xúc phạm nhau. Anh T lại hay dùng bia rượu, cờ bạc nên không quan tâm đến cuộc sống của vợ con. Mặc dù đã được gia đình khuyên can nhưng anh T

không thay đổi nên vợ chồng đã sống ly thân gần hai năm nay và không còn quan tâm gì đến nhau nữa.

Mặt khác, việc chị K khởi kiện xin ly hôn thì anh T đã biết nhưng không phản đối. Qua đó chứng tỏ anh T đã nhận thức được mâu thuẫn giữa vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, do đó việc vợ chồng ly hôn là tất yếu nên đã thờ ơ bỏ mặc. Như vậy, việc chị K yêu cầu được ly hôn với anh T là có cơ sở, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung, chị K xác nhận: Vợ chồng có 02 con là cháu Nguyễn Ngọc M, sinh ngày 01/02/2012 và cháu Nguyễn Ngọc K1, sinh ngày 28/11/2015, hiện cả hai con đang ở với mẹ. Chị K yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi cả hai cháu đến trưởng thành và không yêu cầu cấp dưỡng;

Hội đồng xét thấy: Về quyền trực tiếp nuôi con thì cả bố và mẹ đều có quyền trực tiếp nuôi con như nhau. Tuy nhiên, muốn nhận nuôi con thì phải có đơn yêu cầu, con đã đủ 7 tuổi muốn giao cho bên nào nuôi phải trên cơ sở nguyện vọng của con, đồng thời phải xem xét điều kiện và khả năng của mỗi bên có đảm bảo quyền lợi của con được phát triển về mọi mặt hay không thì mới giao quyền nuôi con.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, cháu M và cháu K1 đã trình bày nguyện vọng là “nếu bố mẹ ly hôn thì hai cháu đều muốn được ở với mẹ”.

Mặt khác, anh T đã biết việc chị K giành quyền nuôi cả hai con chung nhưng anh T không phản đối và cũng không có đơn yêu cầu xin giành quyền trực tiếp nuôi con.

Vì vậy, xét yêu cầu của chị K là được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung là có cơ sở, phù hợp với các Điều 81, 82 và 83 luật hôn nhân gia đình cần được hội đồng xét xử chấp nhận.

Nếu sau này, người trực tiếp nuôi con gặp khó khăn, không đủ điều kiện để nuôi con hoặc con có nguyện vọng thay đổi thì cá nhân, tổ chức được pháp luật quy định có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về cấp dưỡng: Đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng không xem xét.

Về Tài sản chung, nợ chung: Các đương sự đều không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập.

Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: - Khoản 1 Điều 56; Các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

- Khoản 1 Điều 39; Khoản 2 Điều 92; Điều 179; Điều 207, 208; Điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị Võ Thị Xuân K với các nội dung cụ thể như sau:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Võ Thị Xuân K được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc T.

2. Về con chung: Giao cho chị Võ Thị Xuân K trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cháu Nguyễn Ngọc M, sinh ngày 01/02/2012 và cháu Nguyễn Ngọc K1, sinh ngày 28/11/2015 kể từ ngày tuyên án cho đến khi mỗi con đủ 18 tuổi;

Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung mà không ai có quyền cản trở.

3. Về cấp dưỡng: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng không xem xét.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập.

5. Về án phí sơ thẩm: Chị Võ Thị Xuân K phải nộp án phí ly hôn là 300.000.đ (ba trăm nghìn đồng) theo phiếu thu số AA/2021/0001984 ngày 01/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phong Điền nên được khấu trừ là đủ không phải nộp thêm.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND huyện Phong Điền;
- THADS huyện Phong Điền;
- UBND phường Võ Dạ, Tp. Huế;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Án văn.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hồ Xuân Đàm